

Số: 2040/BTC-CST
V/v chính sách thuế đối với hàng
hóa nhập khẩu của Công ty cho
thuê tài chính.

Hà Nội, ngày 21 tháng 02 năm 2019

Kính gửi: Hiệp hội Cho thuê Tài chính Việt Nam.

Bộ Tài chính nhận được văn bản số 67/VP ngày 05/10/2018 của Hiệp hội Cho thuê Tài chính Việt Nam đề nghị hướng dẫn về chính sách thuế đối với hàng hóa nhập khẩu của Công ty cho thuê tài chính (CTTC). Về vấn đề này, Bộ Tài chính có ý kiến như sau:

- Tại khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 có quy định như sau:

"1. Khu phi thuế quan là khu vực kinh tế nằm trong lãnh thổ Việt Nam, được thành lập theo quy định của pháp luật, có ranh giới địa lý xác định, ngăn cách với khu vực bên ngoài bằng hàng rào cứng, bảo đảm điều kiện cho hoạt động kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan của cơ quan hải quan và các cơ quan có liên quan đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu và phương tiện, hành khách xuất cảnh, nhập cảnh; quan hệ mua bán, trao đổi hàng hóa giữa khu phi thuế quan với bên ngoài là quan hệ xuất khẩu, nhập khẩu."

- Tại khoản 2 Điều 2 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 có quy định về đối tượng chịu thuế như sau:

"2. Hàng hóa xuất khẩu từ thị trường trong nước vào khu phi thuế quan, hàng hóa nhập khẩu từ khu phi thuế quan vào thị trường trong nước."

- Tại khoản 4 Điều 2 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 có quy định như sau:

"4. Đối tượng chịu thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu không áp dụng đối với các trường hợp sau:

...

c) Hàng hóa xuất khẩu từ khu phi thuế quan ra nước ngoài; hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài vào khu phi thuế quan và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan; hàng hóa chuyển từ khu phi thuế quan này sang khu phi thuế quan khác;"

- Tại điểm c khoản 1 và khoản 2 Điều 19 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13 có quy định về các trường hợp được hoàn thuế nhập khẩu, thuế xuất khẩu như sau:

"c) Người nộp thuế đã nộp thuế nhập khẩu nhưng hàng hóa nhập khẩu phải tái xuất được hoàn thuế nhập khẩu và không phải nộp thuế xuất khẩu;"

“2. Hàng hóa quy định tại các điểm a, b và c khoản 1 Điều này được hoàn thuế khi chưa qua sử dụng, gia công, chế biến.”

- Tại khoản 20 Điều 5 Luật thuế giá trị gia tăng số 13/2008/QH12 có quy định về đối tượng không chịu thuế giá trị gia tăng (GTGT) như sau:

“20. Hàng hóa chuyển khẩu, quá cảnh qua lãnh thổ Việt Nam; hàng tạm nhập khẩu, tái xuất khẩu; hàng tạm xuất khẩu, tái nhập khẩu; nguyên liệu nhập khẩu để sản xuất, gia công hàng hóa xuất khẩu theo hợp đồng sản xuất, gia công xuất khẩu ký kết với bên nước ngoài; hàng hóa, dịch vụ được mua bán giữa nước ngoài với các khu phi thuế quan và giữa các khu phi thuế quan với nhau.”

- Tại khoản 1 Điều 1 của Luật số 31/2013/QH13 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT có quy định về đối tượng không chịu thuế GTGT như sau:

“a) Dịch vụ cấp tín dụng bao gồm: cho vay; chiết khấu, tái chiết khấu công cụ chuyển nhượng và các giấy tờ có giá khác; bảo lãnh; cho thuê tài chính; phát hành thẻ tín dụng; bao thanh toán trong nước; bao thanh toán quốc tế; hình thức cấp tín dụng khác theo quy định của pháp luật;”

- Tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 94 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 61 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính) có quy định như sau:

“a) Thủ tục nhập khẩu hàng hóa cho thuê tài chính từ nước ngoài vào Việt Nam:

Doanh nghiệp cho thuê tài chính thực hiện thủ tục nhập khẩu hàng hóa để cho DNCX, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê và chỉ sử dụng trong khu phi thuế quan, cụ thể như sau:

a.1) Hồ sơ hải quan: Thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 16 Thông tư này;

a.2) Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan quản lý DNCX, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính:

a.2.1) Đối với trường hợp DNCX thuê tài chính: thực hiện theo quy định tại điểm b.1 khoản 1 Điều 58 Thông tư này;

a.2.2) Đối với trường hợp doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính: thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 90 Thông tư này.

a.3) Thủ tục hải quan: Thực hiện theo quy định tại Chương II Thông tư này; chỉ tiêu “Phần ghi chú” khai thông tin số hợp đồng cho thuê tài chính/ngày hợp đồng/ngày dự kiến hết hạn hợp đồng, tên công ty thuê tài chính; trị giá khai báo trên tờ khai hải quan thực hiện theo quy định tại Phụ lục II Thông tư 39/2015/TT-BTC, trị giá tính thuế, thời điểm tính thuế, phương pháp tính thuế thực hiện theo quy định tại Điều 4, Điều 5 Thông tư 39/2015/TT-BTC.

Hàng hóa nhập khẩu từ nước ngoài của doanh nghiệp cho thuê tài chính ngay khi được thông quan phải đưa trực tiếp vào doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan và được đảm bảo quản nguyên trạng cho đến khi doanh nghiệp cho thuê tài chính và doanh nghiệp chế xuất, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan hoàn thành thủ tục hải quan theo quy định tại điểm b khoản này.

b) Thủ tục giao nhận hàng hóa giữa doanh nghiệp cho thuê tài chính và doanh nghiệp chế xuất/doanh nghiệp trong khu phi thuế quan:

b.1) Hồ sơ hải quan: Thực hiện theo quy định tại Điều 16 Thông tư này, nộp bổ sung 01 bản sao hợp đồng cho thuê tài chính vào bộ hồ sơ nhập khẩu khi doanh nghiệp chế xuất hoặc doanh nghiệp trong khu phi thuế quan làm thủ tục nhập khẩu và không phải nộp hóa đơn thương mại hoặc hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng. Trường hợp hàng hóa xuất khẩu thuộc diện có giấy phép khi làm thủ tục xuất khẩu tại chỗ doanh nghiệp không phải nộp giấy phép trong bộ hồ sơ hải quan;

b.2) Địa điểm làm thủ tục hải quan: Thực hiện tại Chi cục Hải quan quản lý DNCX, doanh nghiệp trong khu phi thuế quan thuê tài chính;

b.3) Thủ tục hải quan: Thực hiện theo quy định tại Điều 86 Thông tư này; khai báo trị giá hải quan theo giá ghi trên hợp đồng mua bán hàng hóa giữa doanh nghiệp cho thuê tài chính, bên thuê tài chính và nhà cung cấp nước ngoài, chỉ tiêu phân loại hình thức hóa đơn khai là B, chỉ tiêu số/ngày hóa đơn để trống và chỉ tiêu "Phần ghi chú" ghi cụ thể:

Tờ khai hải quan xuất khẩu tại chỗ ghi: "hàng hóa cho (tên khách hàng thuê) thuê tài chính theo hợp đồng thuê tài chính số..."

Tờ khai hải quan nhập khẩu tại chỗ ghi: "hàng hóa thuê tài chính của (tên công ty cho thuê tài chính) theo hợp đồng thuê tài chính số..."

Căn cứ vào các quy định và hướng dẫn nêu trên thì:

(i) Trường hợp Công ty CTTC nhập khẩu hàng hóa từ nước ngoài đưa thẳng, trực tiếp cho doanh nghiệp chế xuất (đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13) thuê tài chính và chỉ sử dụng trong doanh nghiệp chế xuất thì thuộc đối tượng không chịu thuế nhập khẩu, không chịu thuế GTGT như trường hợp doanh nghiệp ở trong khu phi thuế quan trực tiếp nhập khẩu.

Về hồ sơ thủ tục hải quan: Công ty thực hiện theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 2 Điều 94 Thông tư số 38/2015/TT-BTC ngày 25/3/2015 của Bộ Tài chính (đã được sửa đổi, bổ sung tại khoản 61 Điều 1 Thông tư số 39/2018/TT-BTC ngày 20/4/2018 của Bộ Tài chính).

(ii) Trường hợp Công ty CTTC mua hàng hóa của doanh nghiệp chế xuất (đáp ứng quy định tại khoản 1 Điều 4 Luật thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13) rồi cho chính doanh nghiệp chế xuất này thuê tài chính và chỉ

sử dụng trong doanh nghiệp chế xuất thì thuộc đối tượng không chịu thuế nhập khẩu, không chịu thuế GTGT.

Về hồ sơ, thủ tục hải quan:

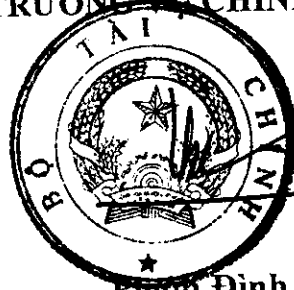
Trường hợp tài sản được Công ty CTTC mua lại không được đưa ra khỏi doanh nghiệp chế xuất, việc chuyển giao sở hữu chỉ diễn ra trên hồ sơ, không làm thay đổi mục đích sử dụng tài sản của doanh nghiệp chế xuất, tài sản này vẫn được doanh nghiệp chế xuất sử dụng để phục vụ hoạt động sản xuất hàng xuất khẩu và đến cuối thời hạn thuê, Công ty CTTC sẽ chuyển giao lại quyền sở hữu cho doanh nghiệp chế xuất như nội dung nêu tại công văn số 67/VP ngày 05/10/2018 của Hiệp hội cho thuê tài chính Việt Nam thì nếu trường hợp không phát sinh di chuyển hàng hóa ra khỏi doanh nghiệp chế xuất cho Công ty CTTC và ngược lại thì không phát sinh hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu theo quy định của Luật quản lý ngoại thương nên không thực hiện thủ tục hải quan.

Bộ Tài chính trả lời Hiệp hội Cho thuê Tài chính Việt Nam để biết và thực hiện theo đúng quy định của pháp luật./th

Nơi nhận: *th*

- Như trên;
- Lãnh đạo Bộ (để báo cáo);
- Cục thuế TP. Hà Nội;
- TCT; Vụ PC; TCHQ;
- Lưu: VT, Vụ CST (10b).

TL. BỘ TRƯỞNG
VỤ TRƯỞNG VỤ CHÍNH SÁCH THUẾ



Phạm Đình Thi